



Thứ năm, ngày 21 tháng 2 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tăng mạnh cuối phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 22/2/2019		•	
Tuần 18/2-22/2/2019		•	
Tháng 2/2019		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index tăng điểm khá tích cực trong phiên sáng, trong phiên chiều đã tăng tiếp tục được cải thiện, đặc biệt là vào cuối phiên.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VHM (+6.43 điểm); VNM (+2.92 điểm); VIC (+1.84 điểm); VRE (+1.34 điểm); MSN (+1.31 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm EIB (-0.24 điểm); CTG (-0.22 điểm); VJC (-0.13 điểm); BVH (-0.12 điểm); DPM (-0.11 điểm).
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu ngành bất động sản và thực phẩm & đồ uống, thanh khoản tăng đáng kể so với phiên ngày giao dịch hôm qua.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 3,967.79 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên là 17.26 điểm. Thị trường có 123 mã tăng và 170 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 16.99 điểm, đóng cửa tại 987.57 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index giảm 0.19 điểm xuống 106.11 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 258.33 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã HPG (74.05 tỷ), MSN (53.32 tỷ) và SSI (40.22 tỷ). Bên cạnh đó, họ đã mua ròng 23.35 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Chỉ số VN-Index trong phiên sáng tăng điểm do lực mua tập trung lớn ở nhóm cổ phiếu bất động sản và thực phẩm & đồ uống như VNM, VIC, VRE và MSN. Trong phiên chiều, đã tăng được cải thiện, đặc biệt là vào cuối phiên bởi lực mua lớn tập trung ở nhóm cổ phiếu này cùng với sự bật tăng của VHM. Khối ngoại mua ròng và thanh khoản tăng đáng kể so với phiên trước. Theo quan điểm của BSC, tâm lý thị trường lạc quan, khối ngoại đầu tư mạnh cùng chiều với sự dịch chuyển của dòng tiền ngoại tại khu vực đang hỗ trợ cho xu hướng tăng của thị trường. Tuy nhiên xu hướng tăng trưởng nóng, cùng với những thông tin chưa rõ ràng từ cuộc đàm phán thương mại Mỹ - Trung sắp diễn ra đang khiến rủi ro thị trường tăng nhanh. Nhà đầu tư nên thận trọng quan sát, tranh thủ những phiên tăng giá để giảm dần tỷ trọng hoặc cơ cấu lại danh mục.

Phân tích kỹ thuật:

VGC Breakout

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX 987.57

Giá trị: 3967.79 tỷ 16.99 (1.75%)

Khối ngoại (ròng): 258.33 tỷ

HNX-INDEX 106.11

Giá trị: 455.41 tỷ -0.19 (-0.18%)

Khối ngoại (ròng): 23.35 tỷ

UPCOM-INDEX 55.54

Giá trị: 342.81 tỷ 0.07 (0.13%)

Khối ngoại (ròng): 11.59 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	57.2	0.09%
Giá vàng	1,337	-0.12%
Tỷ giá USD/VND	23,209	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	26,277	-0.81%
Tỷ giá JPY/VND	20,959	0.14%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	3.6%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	74.1	GAS	43.6
MSN	53.3	DHG	38.0
SSI	40.2	FLC	18.0
BID	31.1	EIB	10.8
VRE	26.7	NVL	10.5

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường Trang 1

Phân tích kỹ thuật Trang 2

Danh mục khuyến nghị Trang 3

Cổ phiếu lớn Trang 4

Thống kê thị trường Trang 5

Báo cáo mới nhất Trang 6

Khuyến cáo sử dụng Trang 7

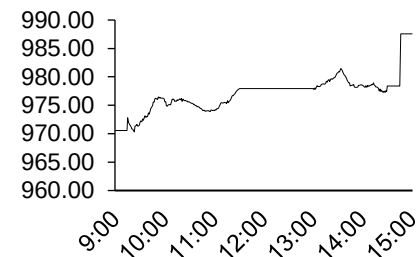
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
CTD	0.5	137.0	133.73	130.50	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
VIC	6.0	118.4	105.42	98.80	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
NTC	0.5	104.0	90.26	83.80	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
PNJ	1.3	99.0	96.37	86.40	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
GAS	5.1	97.2	90.16	87.50	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VHM	4.8	96.7	75.22	77.50	MUA	Tăng giá kéo dài
VHC	0.9	92.4	91.60	88.40	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
MSN	8.5	89.7	81.02	77.50	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
MWG	3.0	87.9	84.43	82.00	MUA	Tăng giá kéo dài
VCB	5.3	60.1	58.23	51.00	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Phân tích kỹ thuật

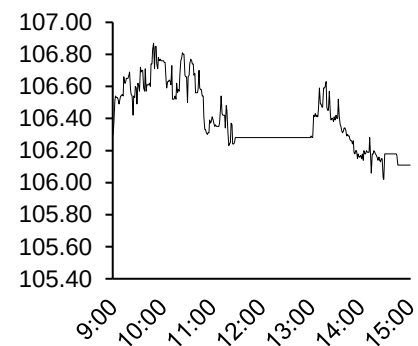
VGC_Bùng nổ

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Phân breakout sau 1 tuần tích lũy
- Chỉ báo xu hướng MACD: Duy trì trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tiến sát vào vùng mua quá.
- Đường MA: MA 50 vượt trên SMA200.

Nhận định Sau 8 phiên tích lũy giằng co trong khoảng giá 20.3 – 20.5, VGC có phiên breakout tạo nền trắng thân dài chỉ hướng và xác lập xu hướng tăng giá tiếp tục. Khối lượng giao dịch tăng 230% so với giao dịch bình quân 20 phiên.

VGC (20.3000, 21.1000, 20.2000, 20.9000, +0.60000), Parabolic SAR (18.2000)



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1902	925.0	1.8%	-56.7%
VN30F1903	910.8	0.9%	324.1%
VN30F1906	905.0	74.6%	74.6%
VN30F1909	905.1	0.6%	0.0%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	149	3.9	3.5
VHM	97	7.0	3.4
MSN	90	4.3	2.7
VRE	34	5.9	1.3
VIC	118	1.6	1.2

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
EIB	17	-4	-0.9
VJC	119	-1	-0.3
DPM	22	-4	-0.2
TCB	28	0	-0.2
CTG	20	-1	-0.1

Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	35.55	8.7%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	15.85	25.8%	11.6	14.5
3	PTB	10/4/2018	64.00	59.10	-7.7%	58.9	73.6
4	PVD	9/1/2019	15.50	17.60	13.5%	14.3	17.8
5	VJC	25/1/2019	122.50	119.00	-2.9%	112.7	140.9
Trung bình					10.1%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	HCM	1/3/2019	22.3	28.50	27.8%	21.2	26.8
Trung bình					27.8%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	TCB	31/10/2018	26.9	27.5	2.2%	25.0	30.0
2	POW	12/4/2018	15.6	16.5	5.4%	14.4	18.7
Trung bình					3.8%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	87.9	0.9%	0.7	1,694	3.0	6,696	13.1	4.3	49.0%	38.7%	
PNJ	Bán lẻ	99.0	0.1%	1.0	719	1.3	5,874	16.9	4.4	49.0%	28.7%	
BVH	Bảo hiểm	95.4	-0.6%	1.3	2,907	0.5	1,519	62.8	4.5	24.8%	7.3%	
PVI	Bảo hiểm	34.0	0.0%	0.7	342	0.0	2,230	15.2	1.2	43.9%	7.6%	
VIC	Bất động sản	118.4	1.6%	1.1	16,430	6.0	1,126	105.2	6.7	9.3%	8.0%	
VRE	Bất động sản	34.0	5.9%	1.1	3,443	5.5	1,033	32.9	2.8	31.8%	8.8%	
NVL	Bất động sản	58.3	0.3%	0.8	2,358	1.8	3,452	16.9	2.8	6.9%	20.1%	
REE	Bất động sản	35.6	0.4%	1.1	479	0.8	5,754	6.2	1.2	49.0%	20.6%	
DXG	Bất động sản	24.6	0.6%	1.5	374	1.5	3,415	7.2	1.7	48.8%	26.7%	
SSI	Chứng khoán	27.9	1.5%	1.3	618	3.5	2,611	10.7	1.6	57.7%	14.8%	
VCI	Chứng khoán	39.4	0.4%	1.0	279	0.4	5,047	7.8	1.8	40.6%	24.7%	
HCM	Chứng khoán	28.5	4.4%	1.5	268	1.5	2,226	12.8	2.8	60.8%	23.1%	
FPT	Công nghệ	44.8	-0.1%	0.9	1,195	1.5	3,902	11.5	2.2	49.0%	21.9%	
FOX	Công nghệ	50.1	0.0%	0.4	493	0.0	3,453	14.5	3.7	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	97.2	1.3%	1.5	8,089	5.1	6,216	15.6	4.1	3.5%	27.8%	
PLX	Dầu khí	58.3	2.6%	1.5	2,937	4.3	3,203	18.2	3.3	10.7%	18.1%	
PVS	Dầu khí	19.8	0.5%	1.7	411	2.5	2,185	9.1	0.8	22.7%	9.5%	
BSR	Dầu khí	14.2	0.0%	0.8	1,914	0.8	#N/A	N/A	N/A	N/A	41.1%	23.0%
DHG	Dược	97.5	1.4%	0.6	554	2.3	4,448	21.9	4.1	46.3%	19.8%	
DPM	Hóa chất	21.9	-4.4%	0.8	373	1.2	1,551	14.1	1.1	23.2%	8.8%	
DCM	Hóa chất	8.9	-2.0%	0.7	206	0.6	1,115	8.0	0.8	3.4%	9.5%	
VCB	Ngân hàng	60.1	1.7%	1.3	9,691	5.3	4,070	14.8	3.4	23.4%	25.2%	
BID	Ngân hàng	34.3	0.7%	1.6	5,091	3.2	2,152	15.9	2.3	3.1%	15.1%	
CTG	Ngân hàng	20.4	-1.0%	1.6	3,302	6.4	1,456	14.0	1.1	29.5%	8.3%	
VPB	Ngân hàng	21.4	1.2%	1.2	2,286	2.4	3,025	7.1	1.5	23.2%	22.8%	
MBB	Ngân hàng	22.1	0.2%	1.2	2,076	7.7	2,829	7.8	1.5	20.0%	20.1%	
ACB	Ngân hàng	30.1	-1.0%	1.2	1,632	3.9	4,119	7.3	1.8	34.3%	27.7%	
BMP	Nhựa	49.5	-0.6%	0.9	176	0.1	5,230	9.5	1.7	76.6%	17.5%	
NTP	Nhựa	37.1	-3.9%	0.4	144	0.0	3,715	10.0	1.5	23.0%	15.3%	
MSR	Tài nguyên	19.4	0.0%	1.2	759	0.0	229	84.8	1.5	2.1%	1.8%	
HPG	Thép	32.7	1.6%	1.0	3,020	8.5	4,037	8.1	1.7	39.2%	23.6%	
HSG	Thép	7.5	1.1%	1.6	125	0.6	355	21.0	0.6	15.7%	2.6%	
VNM	Tiêu dùng	148.5	3.8%	0.7	11,243	11.8	5,294	28.0	10.0	59.6%	37.5%	
SAB	Tiêu dùng	248.0	1.6%	0.8	6,915	0.3	6,334	39.2	10.6	9.8%	29.4%	
MSN	Tiêu dùng	89.7	4.3%	1.2	4,536	8.5	4,578	19.6	3.5	41.9%	22.2%	
SBT	Tiêu dùng	20.5	1.2%	0.7	467	1.8	290	70.5	1.8	11.3%	2.8%	
ACV	Vận tải	89.6	-0.1%	0.8	8,481	0.2	1,883	47.6	7.1	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	119.0	-0.7%	1.1	2,802	5.5	9,632	12.4	4.6	22.7%	42.6%	
HVN	Vận tải	39.0	2.4%	1.7	2,405	1.1	1,727	22.6	3.2	10.9%	14.6%	
GMD	Vận tải	27.6	0.5%	0.9	356	0.5	6,153	4.5	1.4	49.0%	29.4%	
PVT	Vận tải	17.0	-1.2%	0.7	208	0.2	2,281	7.5	1.2	33.2%	16.7%	
VCS	Vật liệu xây dựng	64.2	1.6%	1.0	438	0.4	6,057	10.6	3.7	2.5%	43.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	20.9	3.0%	0.9	407	3.9	1,254	16.7	1.5	25.0%	9.0%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.9	-0.3%	0.8	263	0.3	1,690	9.4	1.2	5.9%	12.5%	
CTD	Xây dựng	137.0	-0.1%	0.8	450	0.5	18,357	7.5	1.3	46.6%	18.8%	
VCG	Xây dựng	27.8	3.0%	1.2	534	2.9	1,021	27.2	1.8	0.0%	7.5%	
CII	Xây dựng	23.1	0.4%	0.5	248	1.6	334	69.0	1.1	53.8%	1.6%	
POW	Điện	16.5	-0.6%	0.6	1,675	3.3	716	23.0	1.6	15.4%	6.8%	
NT2	Điện	29.0	-1.9%	0.6	363	0.6	2,618	11.1	2.3	22.8%	17.4%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	96.70	6.97	6.43	1.21MLN
VNM	148.50	3.85	2.92	1.86MLN
VIC	118.40	1.63	1.85	1.16MLN
VRE	34.00	5.92	1.35	3.82MLN
MSN	89.70	4.30	1.31	2.22MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VGC	20.90	2.96	0.12	4.37MLN
PGS	36.50	7.04	0.08	2700.00
VCG	27.80	2.96	0.05	2.37MLN
VCS	64.20	1.58	0.03	135600.00
MBS	15.70	6.80	0.03	1.02MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
EIB	17.00	-3.68	-0.25	716520.00
CTG	20.40	-0.97	-0.23	7.15MLN
VJC	119.00	-0.67	-0.13	1.07MLN
BVH	95.40	-0.63	-0.13	114100.00
DPM	21.90	-4.37	-0.12	1.30MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	30.10	-0.99	-0.37	2.97MLN
DBC	25.20	-3.08	-0.04	11500.00
NTP	37.10	-3.89	-0.04	24500.00
SHN	9.40	-2.08	-0.02	500.00
PTI	16.10	-5.29	-0.02	2200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HVX	4.28	7.00	0.00	10.00
NAV	8.73	6.99	0.00	40.00
SC5	23.00	6.98	0.01	4280.00
VHM	96.70	6.97	6.43	1.21MLN
EMC	13.90	6.92	0.00	8280.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.80	14.29	0.00	58500.00
VAT	2.20	10.00	0.00	27400.00
BXH	13.30	9.92	0.00	1000.00
BED	30.50	9.71	0.00	200.00
VHL	30.50	9.71	0.02	60200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HU1	10.70	-6.96	0.00	100.00
TCR	2.15	-6.93	0.00	17820.00
HOT	30.95	-6.92	-0.01	30.00
TDW	28.35	-6.90	-0.01	10.00
TIE	8.37	-6.90	0.00	10.00

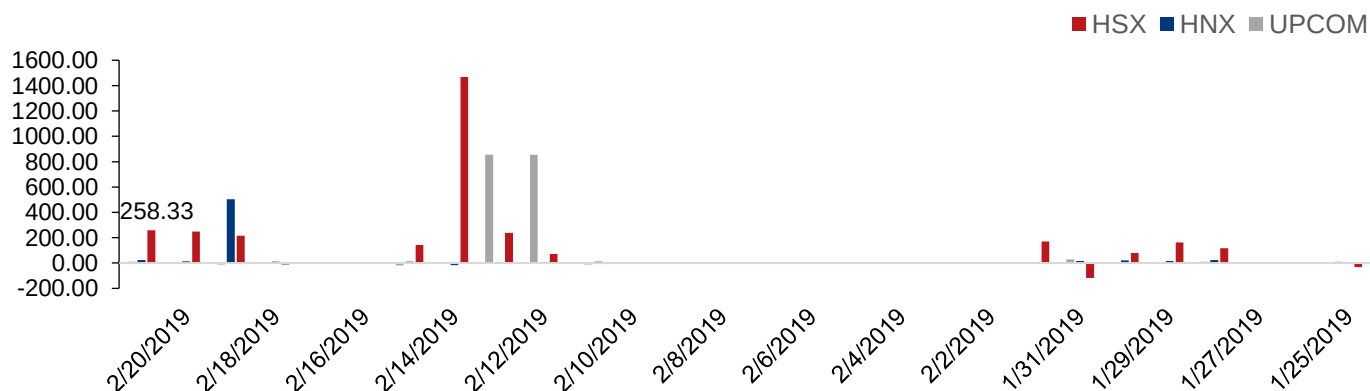
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.60	-14.29	0.00	216100.00
SPI	0.70	-12.50	0.00	128200.00
SMT	23.80	-9.85	-0.01	300.00
PJC	34.90	-9.82	-0.01	3400.00
VIE	18.50	-9.76	0.00	1000.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click	
8	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
12	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
13	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
14	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
15	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
16	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
17	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	VHC	Thủy sản	Theo dõi	20/12/2018	85.9	108.6	92.4	15,644	5.9	2.1	Click	
2	CSV	Hóa chất	Mua	19/12/2018	29.9	36.6	29.2	5,695	5.1	1.6	Click	
3	CMG	Công nghệ	Theo dõi	13/12/2018	24.4	27.0	28.7	1,677	17.1	2.0	Click	
4	VSC	Cảng biển	Mua	12/12/2018	42.6	50.4	44.4	5,995	7.4	1.4	Click	
5	KBC	Bất động sản	Mua	13/12/2018	14.5	18.1	14.7	1,591	9.2	0.8	Click	
6	HPG	Thép	Nắm giữ	11/12/2018	33.8	38.0	32.7	4,037	8.1	1.7	Click	
7	PVT	Vận tải	Mua	28/11/2018	16.1	21.7	17.0	2,281	7.5	1.2	Click	
8	MWG	Bán lẻ	Mua	22/11/2018	84.8	124.0	87.9	6,696	13.1	4.3	Click	
9	BMP	Nhựa	Nắm giữ	20/11/2018	55.3	60.8	49.5	5,230	9.5	1.7	Click	
10	VNM	Thực phẩm	Theo dõi	19/11/2018	115.0	124.3	148.5	5,294	28.0	10.0	Click	
11	PNJ	Bán lẻ	Mua	15/11/2018	93.5	130.7	99.0	5,874	16.9	4.4	Click	
12	FPT	Công nghệ	Mua	14/11/2017	41.7	59.1	44.8	3,902	11.5	2.2	Click	
13	DRC	Cao su	Mua	14/11/2018	21.3	27.2	21.6	1,167	18.5	1.7	Click	
14	TCM	Dệt may	Nắm giữ	13/11/2018	25.5	26.6	29.6	4,070	7.3	1.3	Click	
15	ANV	Thủy sản	Theo dõi	11/2/2018	25.9	28.3	28.6	4,811	5.9	1.9	Click	
16	CTD	Xây dựng	Mua	11/5/2018	151.5	177.9	137.0	18,357	7.5	1.3	Click	
17	HDG	Bất động sản	Mua	10/9/2017	38.3	50.2	36.9	7,493	4.9	2.0	Click	
18	GMD	Cảng biển	Mua	10/5/2018	28.4	36.8	27.6	6,153	4.5	1.4	Click	
19	EVE	Dệt may	Nắm giữ	10/2/2018	16.0	18.2	15.5	1,929	8.0	0.6	Click	
20	RAL	Tiêu dùng	Mua	21/9/2018	103.8	124.2	83.9	17,772	4.7	1.2	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

